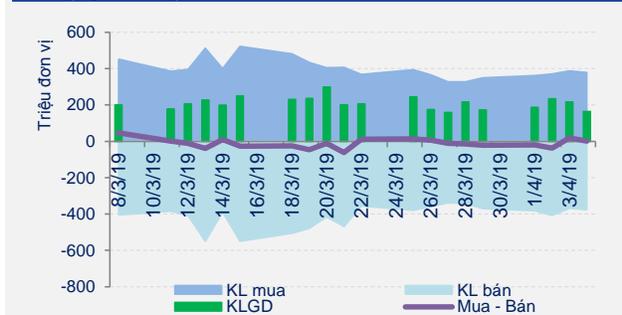


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/4/2019

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|------------|
| Index | 986.91 | 107.42 |
| % Thay đổi | ↑ 0.25% | ↑ 0.11% |
| KLGD (CP) | 164,485,802 | 30,070,348 |
| GTGD (tỷ đồng) | 3,233.82 | 402.02 |
| Tổng cung (CP) | 376,764,740 | 65,886,400 |
| Tổng cầu (CP) | 378,558,490 | 59,489,400 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 11,288,180 | 3,730,784 |
| KL mua (CP) | 10,647,005 | 1,095,795 |
| GTmua (tỷ đồng) | 363.35 | 16.39 |
| GT bán (tỷ đồng) | 392.02 | 29.04 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (28.67) | (12.65) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 1.05% | 11.0 | 2.1 | 2.9% |
| Công nghiệp | ↑ 0.21% | 14.6 | 3.4 | 19.7% |
| Dầu khí | ↓ -0.02% | 16.0 | 2.3 | 6.5% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -0.31% | 16.7 | 4.5 | 1.4% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.36% | 14.7 | 3.0 | 1.1% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 0.31% | 19.7 | 6.5 | 20.4% |
| Ngân hàng | ↑ 0.39% | 12.1 | 2.2 | 14.6% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 0.70% | 11.4 | 1.9 | 11.1% |
| Tài chính | ↑ 0.24% | 23.3 | 5.1 | 17.9% |
| Tiện ích Cộng đồng | ↓ -0.11% | 15.0 | 3.1 | 4.4% |
| VN - Index | ↑ 0.25% | 16.8 | 4.4 | 104.6% |
| HNX - Index | ↑ 0.11% | 10.0 | 1.6 | -4.6% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục nhẹ trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức thấp, giao dịch trên thị trường là khá ảm đạm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 2,45 điểm (+0,25%) lên 986,91 điểm; HNX-Index tăng 0,12 điểm (+0,11%) lên 107,42 điểm. Thanh khoản trên hai sàn xấp xỉ so với phiên hôm qua và tiếp tục ở dưới mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 3.720 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 195 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thuận thuận chiếm 715 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 276 mã tăng, 122 mã tham chiếu, 212 mã giảm. Các cổ phiếu trụ cột của thị trường đa phần đều hồi phục trong phiên hôm nay để kéo chỉ số, có thể kể đến như VCB (+0,7%), SAB (+1,2%), CTG (+0,9%), BVH (+1,1%), VIC (+0,2%), HPG (+0,9%), MBB (+0,7%), MSN (+0,1%), NVL (+0,2%)... Ở chiều ngược lại, số trụ cột kết phiên trong sắc đỏ là ít hơn như BID (-1,1%), VNM (-0,4%), VJC (-0,6%), GAS (-0,2%), BHN (-1,2%), MWG (-0,4%), CTD (-1,1%)... đã thu hẹp phần nào đó mức tăng của VN-Index. Nhóm cổ phiếu bất động sản xây dựng thu hút dòng tiền tốt với nhiều mã tăng như HQC (+1,4%), KBC (+1%), NDN (+5,4%), DIG (+1,7%), DXG (+0,7%)... Nhóm cổ phiếu dầu khí sau khi tăng tốt trong các phiên trước đã bị chốt lời trong phiên hôm nay và đa phần đều giảm như POW (-0,3%), PVC (-2,6%), TDG (-0,6%), PVB (-1,9%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường tiếp tục diễn biến giằng co và tích lũy trong phiên hôm nay và vẫn trong biên độ 965-995 điểm. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp dưới trung bình 20 phiên gần nhất cho thấy dòng tiền vẫn chưa quay trở lại thị trường. Khối ngoại có phiên thứ 2 liên tiếp bán ròng với khoảng hơn 40 tỷ đồng trên hai sàn, đây là một tín hiệu tiêu cực. Đồng pha với diễn biến trên, hợp đồng tương lai VN30 tháng 4 đóng cửa tham chiếu, qua đó nới rộng mức chiết khấu so với VN30 lên hơn 16 điểm cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang nghiêng về một nhịp điều chỉnh của chỉ số. Thị trường đang trong pha giằng co và đi ngang là chủ yếu nhưng chúng tôi cho rằng diễn biến phiên cuối tuần có thể tích cực hơn. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index có thể sẽ tăng điểm để hướng dần đến ngưỡng kháng cự 995 điểm (trendline nổi đỉnh tháng 6 và tháng 10/2018) với thanh khoản vẫn ở dưới trung bình 20 phiên. Nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua mới và có thể canh những nhịp tăng để bán giảm tỷ trọng cổ phiếu. Nhà đầu tư trung và dài hạn vẫn có thể canh những nhịp điều chỉnh để tích lũy thêm cổ phiếu.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **4/4/2019**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất đạt được trong phiên sáng tại 989,08 điểm. Cũng có thời điểm vào cuối phiên sáng, chỉ số giảm nhẹ xuống sắc đỏ với mức đáy trong phiên tại 982,94 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu tăng nhẹ giúp chỉ số duy trì được sắc xanh cho đến hết phiên. Kết phiên, VN-Index tăng 2,45 điểm (+0,25%) lên 986,91 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 500 đồng, SAB tăng 2.900 đồng, CTG tăng 200 đồng. Ở chiều ngược lại, BID giảm 400 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 107,74 điểm. Nhưng từ khoảng 11h trở đi, lực cung gia tăng khiến chỉ số quay trở lại sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 106,97 điểm. Từ khoảng 14h trở đi, lực cầu trở lại giúp chỉ số quay trở lại sắc xanh. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,12 điểm (+0,11%) lên 107,42 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: VCS tăng 4.800 đồng, PVI tăng 1.100 đồng, ACB tăng 100 đồng. Ở chiều ngược lại, VGC giảm 500 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 29,53 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 649 nghìn cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 21,6 tỷ đồng tương ứng với 675 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VJC với 20,2 tỷ đồng tương ứng với 178 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 25 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,67 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,6 triệu cổ phiếu. SHB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 22,2 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là PVC với 3,6 tỷ đồng tương ứng với 475 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 11,6 tỷ đồng tương ứng với 523 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

HSBC: Việt Nam sẽ tăng trưởng 6,6% trong năm 2019

HSBC ước tính kinh tế Việt Nam năm nay tăng trưởng 6,6%, lạm phát vẫn đạt mục tiêu "dưới 4%" của Ngân hàng Nhà nước.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay và chỉ số hiện vẫn trên ngưỡng 980 điểm, khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ nhưng vẫn ở dưới mức trung bình 20 phiên với 132 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 990 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 965 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 950 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index có thể sẽ tăng điểm để hướng dần đến ngưỡng kháng cự 995 điểm (trendline nối đỉnh tháng 6 và tháng 10/2018) với thanh khoản vẫn ở dưới trung bình 20 phiên.

HNX-Index:



HNX-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay nhưng chỉ số hiện vẫn ở dưới ngưỡng 108 điểm, khối lượng khớp lệnh xấp xỉ phiên trước đó và vẫn ở dưới mức trung bình 20 phiên với 29 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số duy trì tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 108,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 106,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 107 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, HNX-Index có thể sẽ tăng điểm để hướng đến ngưỡng kháng cự gần nhất tại 108 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

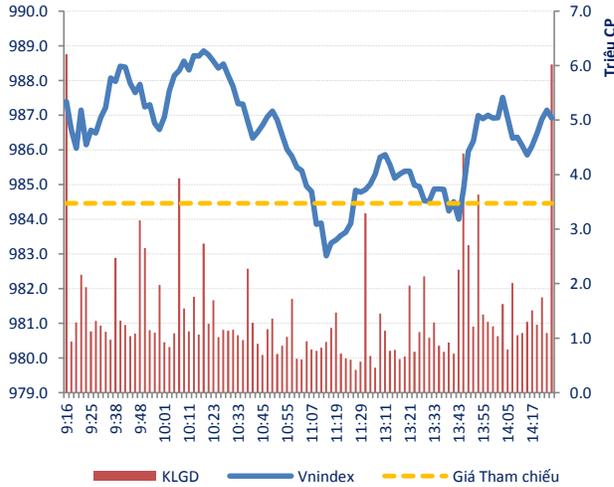
| | |
|-------------------------------------|---|
| Giá vàng trong nước tăng nhẹ | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 36,4 - 36,48 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 20.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra. |
| Tỷ giá trung tâm không đổi | Theo công bố của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá trung tâm cặp đồng tiền VND/USD áp dụng trong ngày 4/4 ở mức 22.983 đồng/USD, đi ngang so với mức công bố hôm qua. |

TIN QUỐC TẾ

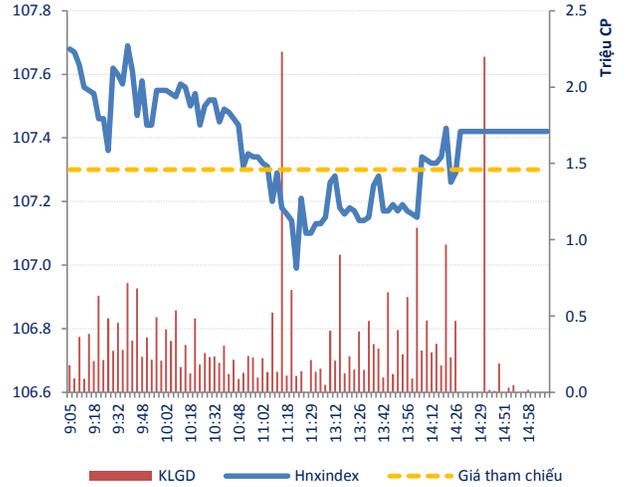
| | |
|----------------------------------|--|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,15 USD/ounce tương ứng với 0,01% xuống 1.295,15 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng 0,060 điểm tương ứng với 0,06% lên 96,722 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1233 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3162 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 111,39 JPY. |
| Giá dầu thế giới giảm | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,29 USD/thùng tương ứng với 0,46% xuống 62,17 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng điểm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 3/4, chỉ số Dow Jones tăng 39 điểm tương ứng 0,15% lên 26.218,13 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 46,86 điểm tương ứng 0,6% lên 7.895,55 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 6,16 điểm lên 2.873,4 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

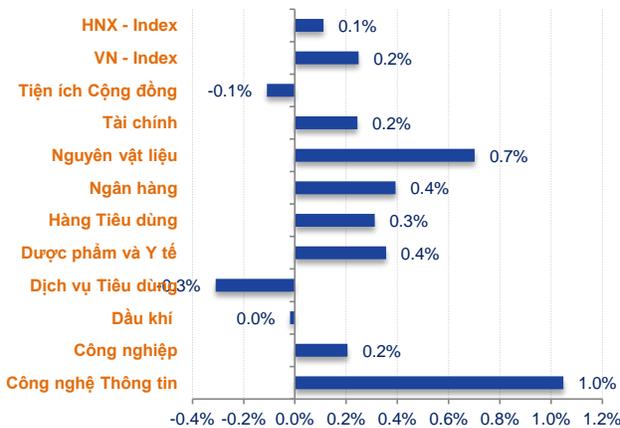
KLGD và VN-Index trong phiên



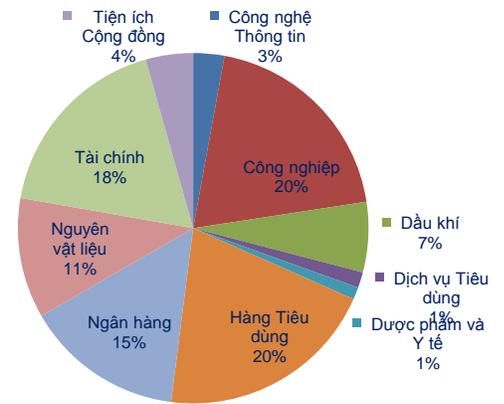
KLGD và HNX-Index trong phiên



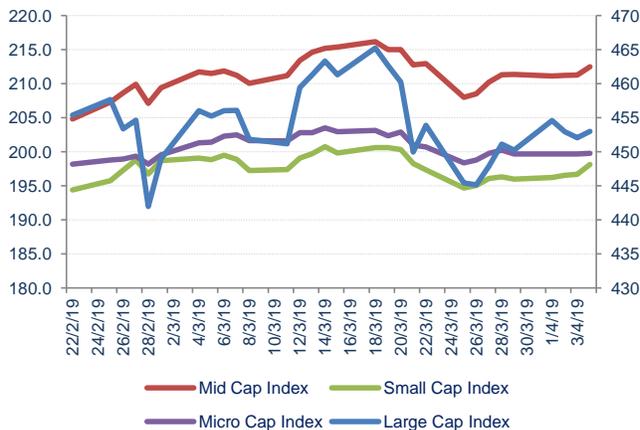
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



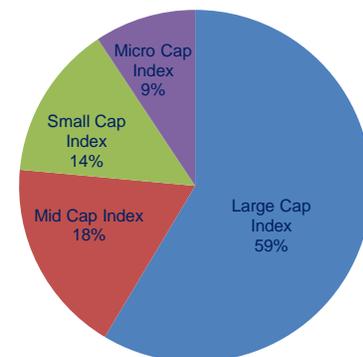
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | PVD | 1,288,240 | FLC | 1,582,570 |
| 2 | HHS | 483,800 | POW | 717,990 |
| 3 | SHI | 403,090 | HPG | 674,720 |
| 4 | LCG | 346,790 | HDB | 515,150 |
| 5 | GEX | 336,250 | DCM | 427,460 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | PVS | 523,000 | SHB | 2,962,000 |
| 2 | ART | 272,800 | PVC | 474,800 |
| 3 | DTD | 107,900 | THB | 37,100 |
| 4 | VCS | 16,100 | IDJ | 28,800 |
| 5 | HHG | 9,800 | BVS | 19,500 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| GTN | 16.50 | 16.50 | ⇒ 0.00% | 11,597,700 |
| ROS | 31.70 | 31.50 | ↓ -0.63% | 7,609,670 |
| EIB | 17.40 | 17.45 | ↑ 0.29% | 6,293,870 |
| HQC | 1.45 | 1.47 | ↑ 1.38% | 5,507,440 |
| FLC | 5.15 | 5.13 | ↓ -0.39% | 4,868,330 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| SHB | 7.60 | 7.60 | ⇒ 0.00% | 4,877,249 |
| PVS | 22.00 | 22.00 | ⇒ 0.00% | 3,418,271 |
| BII | 0.70 | 0.70 | ⇒ 0.00% | 1,704,130 |
| VGC | 20.70 | 20.20 | ↓ -2.42% | 1,517,600 |
| NDN | 13.00 | 13.70 | ↑ 5.38% | 1,415,430 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| SZL | 40.00 | 42.80 | 2.80 | ↑ 7.00% |
| SBV | 12.15 | 13.00 | 0.85 | ↑ 7.00% |
| HOT | 27.15 | 29.05 | 1.90 | ↑ 7.00% |
| KSH | 1.29 | 1.38 | 0.09 | ↑ 6.98% |
| DTA | 5.60 | 5.99 | 0.39 | ↑ 6.96% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| PVV | 0.50 | 0.60 | 0.10 | ↑ 20.00% |
| NHP | 0.80 | 0.90 | 0.10 | ↑ 12.50% |
| L35 | 9.00 | 9.90 | 0.90 | ↑ 10.00% |
| GDW | 23.00 | 25.30 | 2.30 | ↑ 10.00% |
| BTW | 23.00 | 25.30 | 2.30 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| RIC | 7.18 | 6.68 | -0.50 | ↓ -6.96% |
| TDW | 31.00 | 28.85 | -2.15 | ↓ -6.94% |
| LGC | 28.50 | 26.55 | -1.95 | ↓ -6.84% |
| UIC | 35.00 | 32.65 | -2.35 | ↓ -6.71% |
| NVT | 10.65 | 9.94 | -0.71 | ↓ -6.67% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| DCS | 0.90 | 0.80 | -0.10 | ↓ -11.11% |
| AME | 10.00 | 9.00 | -1.00 | ↓ -10.00% |
| VLA | 11.10 | 10.00 | -1.10 | ↓ -9.91% |
| TMX | 9.20 | 8.30 | -0.90 | ↓ -9.78% |
| NGC | 9.20 | 8.30 | -0.90 | ↓ -9.78% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-----|-------|-----|
| GTN | 11,597,700 | 0.2% | 32 | 519.9 | 1.5 |
| ROS | 7,609,670 | 3250.0% | 328 | 95.9 | 3.0 |
| EIB | 6,293,870 | 4.5% | 537 | 32.5 | 1.4 |
| HQC | 5,507,440 | 1.0% | 89 | 16.5 | 0.2 |
| FLC | 4,868,330 | 4.6% | 560 | 9.2 | 0.4 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 4,877,249 | 10.8% | 1,389 | 5.5 | 0.6 |
| PVS | 3,418,271 | 8.5% | 2,191 | 10.0 | 0.9 |
| BII | 1,704,130 | 0.6% | 62 | 11.2 | 0.1 |
| VGC | 1,517,600 | 8.2% | 1,253 | 16.1 | 1.4 |
| NDN | 1,415,430 | 16.1% | 2,037 | 6.7 | 1.1 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| SZL | ↑ 7.0% | 19.7% | 5,996 | 7.1 | 1.3 |
| SBV | ↑ 7.0% | 8.8% | 1,468 | 8.9 | 0.8 |
| HOT | ↑ 7.0% | 16.9% | 2,457 | 11.8 | 1.9 |
| KSH | ↑ 7.0% | 0.0% | (4) | - | 0.1 |
| DTA | ↑ 7.0% | 2.4% | 257 | 23.3 | 0.6 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| PVV | ↑ 20.0% | -41.9% | (1,444) | - | 0.2 |
| NHP | ↑ 12.5% | -8.2% | (804) | - | 0.1 |
| L35 | ↑ 10.0% | 2.8% | 409 | 24.2 | 0.7 |
| GDW | ↑ 10.0% | 10.2% | 1,596 | 15.9 | 1.6 |
| BTW | ↑ 10.0% | 14.1% | 2,357 | 10.7 | 1.4 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| PVD | 1,288,240 | 1.4% | 513 | 37.4 | 0.5 |
| HHS | 483,800 | 5.7% | 713 | 5.7 | 0.3 |
| SHI | 403,090 | 9.9% | 1,403 | 6.0 | 0.7 |
| LCG | 346,790 | 12.5% | 1,628 | 7.3 | 0.9 |
| GEX | 336,250 | 13.3% | 2,535 | 9.1 | 1.7 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 523,000 | 8.5% | 2,191 | 10.0 | 0.9 |
| ART | 272,800 | 7.6% | 851 | 3.2 | 0.2 |
| DTD | 107,900 | 11.9% | 1,333 | 7.7 | 0.9 |
| VCS | 16,100 | 43.8% | 7,038 | 9.8 | 4.0 |
| HHG | 9,800 | 0.4% | 40 | 44.7 | 0.2 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 367,356 | 5.0% | 1,183 | 97.3 | 6.9 |
| VHM | 308,155 | 49.0% | 4,448 | 20.7 | 7.1 |
| VCB | 251,091 | 25.5% | 4,029 | 16.8 | 3.7 |
| VNM | 240,314 | 40.8% | 5,874 | 23.5 | 9.3 |
| GAS | 193,883 | 25.4% | 5,985 | 16.9 | 4.3 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 37,664 | 27.7% | 4,119 | 7.3 | 1.8 |
| VCG | 11,175 | 6.2% | 1,115 | 22.7 | 1.7 |
| VCS | 10,819 | 43.8% | 7,038 | 9.8 | 4.0 |
| PVS | 10,515 | 8.5% | 2,191 | 10.0 | 0.9 |
| SHB | 9,144 | 10.8% | 1,389 | 5.5 | 0.6 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| VHM | 2.11 | 49.0% | 4,448 | 20.7 | 7.1 |
| LDG | 1.98 | 26.4% | 3,187 | 4.2 | 1.0 |
| PVD | 1.98 | 1.4% | 513 | 37.4 | 0.5 |
| BID | 1.92 | 14.2% | 2,152 | 16.4 | 2.2 |
| ATG | 1.91 | -4.3% | (436) | - | 0.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| ACM | 3.39 | -0.9% | (85) | - | 0.1 |
| ART | 3.21 | 7.6% | 851 | 3.2 | 0.2 |
| BII | 2.80 | 0.6% | 62 | 11.2 | 0.1 |
| DPS | 2.70 | -2.0% | (217) | - | 0.1 |
| STP | 2.63 | 3.6% | 659 | 11.2 | 0.4 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài,
Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS, Số 236-
238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP
Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
